

## THỰC TRẠNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO CÁC CHUẨN CỦA VIỆT NAM - GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tạ Văn Thành\*, Nguyễn Minh Phương, Trần Thị Vân Oanh

Học viện Phụ nữ Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam

### ARTICLE INFORMATION TÓM TẮT

**Journal:** Vinh University  
Journal of Science  
Educational Science and Technology  
**p-ISSN:** 3030-4857  
**e-ISSN:** 3030-4784

**Volume:** 53

**Issue:** 3C

**\*Correspondence:**

thanhtv@hvpvn.edu.vn

**Received:** 01 August 2024

**Accepted:** 11 September 2024

**Published:** 20 September 2024

**Citation:**

Ta Van Thanh, Nguyen Minh Phuong,  
Tran Thi Van Oanh (2024).

Current state of training program  
evaluation according to Vietnamese  
standards - solutions to ensure  
training program quality.

**Vinh Uni. J. Sci.**

Vol. 53 (3C), pp. 40-50

doi: 10.56824/vujs.2024c078c

**OPEN ACCESS**

Copyright © 2024. This is an Open  
Access article distributed under the  
terms of the [Creative Commons  
Attribution License \(CC BY NC\)](#),  
which permits non-commercially to  
share (copy and redistribute the  
material in any medium) or adapt  
(remix, transform, and build upon the  
material), provided the original work  
is properly cited.

Việc đánh giá chương trình đào tạo thường được thực hiện qua ít nhất hai giai đoạn: tự đánh giá và đánh giá ngoài, dựa trên các bộ tiêu chuẩn trong và ngoài nước. Kết quả đánh giá theo các bộ tiêu chuẩn, đặc biệt là bộ tiêu chuẩn của Việt Nam, là cơ sở để xây dựng các giải pháp cải tiến, nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo. Nhóm tác giả đã lựa chọn phương pháp nghiên cứu dựa trên thống kê kết quả đánh giá ngoài các chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ đó, dự báo và quản trị các vấn đề còn tồn tại, làm cơ sở đề xuất 17 nhóm giải pháp bảo đảm chất lượng cho các chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu tối thiểu của các bên liên quan.

**Từ khóa:** Chất lượng; chương trình đào tạo; đánh giá ngoài; kiểm định chất lượng giáo dục.

### 1. Giới thiệu

Tính đến ngày 31/10/2023, cả nước có 1.476 chương trình đào tạo (CTĐT) được đánh giá ngoài và công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng, bao gồm: 1.025 chương trình được đánh giá theo tiêu chuẩn trong nước của 140 cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) và 451 chương trình được đánh giá theo tiêu chuẩn nước ngoài của 58 cơ sở GDĐH (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 10/2023).

Tính đến ngày 21/11/2023, cả nước có 1.113 CTĐT của 146 cơ sở GDĐH được đánh giá ngoài và công nhận kết quả theo tiêu chuẩn trong nước ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Website của 7 tổ chức Kiểm định chất lượng giáo dục trong nước, 11/2023).

Thống kê số lượng tiêu chí chưa đạt (điểm sau đánh giá mức < 4/7) trong số 50 tiêu chí của 11 tiêu chuẩn kiểm định trong nước từ 1.060 nghị quyết (53 CTĐT nhóm tác giả chưa truy cập được nghị quyết) phản ánh một số vấn đề còn tồn tại của các CTĐT. Từ kết quả này, có thể dự báo một số giải pháp bảo đảm chất lượng cho các CTĐT của các cơ sở GDĐH. Tuy nhiên, các giải pháp này có thể chưa toàn diện đối với các bộ tiêu chuẩn kiểm định nước ngoài, do phạm vi nghiên cứu chưa đủ nguồn lực để triển khai.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này dựa trên cơ sở lý thuyết về việc đối chuẩn giữa khung tiêu chí và thực trạng đạt được từ quá trình vận hành, đồng thời đối sánh kết quả thống kê của cùng tiêu chí giữa các CTĐT.

Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT năm 2016 (sau đây gọi chung là Thông tư 04), bộ tiêu chuẩn này gồm 11 tiêu chuẩn được chia thành 50 tiêu chí, bao gồm: Mục tiêu, Chuẩn đầu ra, Nội dung dạy học, Phương pháp dạy học, Phương pháp kiểm tra đánh giá, Đội ngũ, Cơ sở vật chất, Hoạt động hỗ trợ người học, và Kết quả đạt được của người học. Để triển khai đánh giá CTĐT theo bộ tiêu chuẩn đó, Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành văn bản hướng dẫn số 769/QLCL-KĐCLGD năm 2018 và cập nhật, điều chỉnh năm 2019 theo văn bản số 1669/QLCL-KĐCLGD.

Từ khung lý thuyết về bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trong nước hiện hành, nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng thông qua kỹ thuật thống kê với dữ liệu từ 100% các kết quả đánh giá ngoài của 7 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) trong nước từ năm 2017. Các tổ chức này gồm: Trung tâm KĐCLGD - Hiệp hội Các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-HH); Trung tâm KĐCLGD - Đại học Quốc gia Hà Nội (CEA-VNU); Trung tâm KĐCLGD - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (CEA-VNUHCM); Trung tâm KĐCLGD - Đại học Đà Nẵng (CEA-ĐN); Trung tâm KĐCLGD - Trường Đại học Vinh (CEA-Vinh); Trung tâm KĐCLGD Thăng Long (CEA-TL); Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn (CEA-SG) (sau đây gọi chung là các CEAs).

Với 1.060 nghị quyết dựa trên 50 tiêu chí đánh giá, nghiên cứu cung cấp đủ căn cứ khoa học để phát hiện các vấn đề tồn tại trong hơn 1.000 CTĐT đã được đánh giá ngoài, trước khi bộ tiêu chuẩn mới được ban hành và triển khai.

## 3. Kết quả và thảo luận

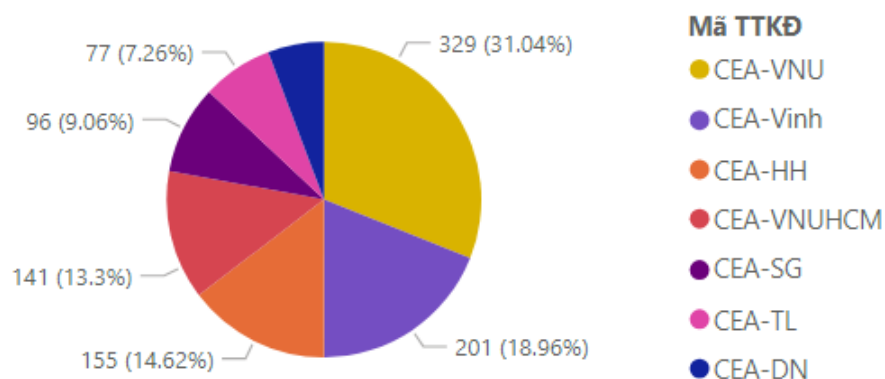
Theo báo cáo công khai kết quả công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục được truy xuất thành công đối với 1060 CTĐT trên website của 7 CEA (truy cập ngày 21/11/2023), nhóm tác giả tiến hành xử lý dữ liệu và chạy thống kê trên Power BI ghi nhận được kết quả như sau:

Theo báo cáo công khai kết quả công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục, dữ liệu của 1.060 CTĐT được truy xuất thành công từ website của 7 CEAs (truy cập ngày 21/11/2023). Nhóm tác giả đã tiến hành xử lý dữ liệu và thực hiện phân tích thống kê trên Power BI, ghi nhận các kết quả như sau:

**Bảng 1: Thống kê số CTĐT đạt KĐCLGD theo các CEAs**

Trung tâm KĐCLGD	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng
CEA-VNUHCM	2	3	20	13		54	49	<b>141</b>
CEA-VNU	2		5	38	27	112	145	<b>329</b>
CEA- Vinh				10	51	67	73	<b>201</b>
CEA-TL						19	58	<b>77</b>
CEA-SG						24	72	<b>96</b>

Trung tâm KĐCLGD	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	Tổng
CEA-HH			1	20	41	49	44	155
CEA-DN				11	12	22	16	61
<b>Tổng</b>	<b>4</b>	<b>3</b>	<b>26</b>	<b>92</b>	<b>131</b>	<b>347</b>	<b>457</b>	<b>1060</b>



**Hình 1:** Tỷ lệ công nhận đạt KĐCLGD theo các CEAs

Theo đó có thể thấy hơn 88% các CTĐT được đánh giá và công nhận vào các năm 2021 trở lại đây. Các CTĐT được đánh giá tập trung chủ yếu tại CEA-VNU, CEA-VNUHCM, CEA-HH và CEA-Vinh.

### 3.1. Kết quả chung của 146 cơ sở GDDH (1060 CTĐT)

Theo kết quả nghiên cứu của Tạ (2023), cả nước có 474 CTĐT đang được triển khai, trong đó có 54 CTĐT được thực hiện tại ít nhất 20 cơ sở GDDH. Đặc biệt, có 4 ngành gồm: Quản trị kinh doanh, Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh và Kế toán có trên 100 cơ sở cùng tham gia đào tạo. Ngoài ra, các ngành Tài chính - Ngân hàng, Luật, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành và Kinh tế có hơn 60 cơ sở cùng đào tạo.

**Bảng 2.** Thống kê 8 CTĐT được đào tạo nhiều nhất đạt KĐCLGD

TT	Mã ngành	Tên ngành / CTĐT	Số lượng cơ sở GDDH tham gia đào tạo	Số CSĐT được công nhận	Tổng số tiêu chí chưa đạt	Bình quân số tiêu chí chưa đạt
1	7340101	Quản trị kinh doanh	129	69	494	7,2
2	7480201	Công nghệ thông tin	116	45	302	6,7
3	7220201	Ngôn ngữ Anh	115	43	297	6,9
4	7340301	Kế toán	114	55	355	6,5
5	7340201	Tài chính - Ngân hàng	90	37	281	7,6
6	7380101	Luật	84	21	143	6,8
7	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	72	23	145	6,3
8	7310101	Kinh tế	63	8	56	7,0

Theo Bảng 2, trung bình mỗi CTĐT trong số 8 CTĐT có khoảng 7/50 tiêu chí không đạt. Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả cũng đã thống kê tỷ lệ chưa đạt theo từng tiêu chí, qua đó xác định được một số tiêu chí có tỷ lệ chưa đạt cao nhất, tạo tiền đề cho việc nghiên cứu sâu hơn về nguyên nhân và đề xuất các giải pháp. Cụ thể, tiêu chí 3.2 có 836/1.060 CTĐT chưa đạt, chiếm 78,9%, và tiêu chí 5.3 có 813/1.060 CTĐT chưa đạt, chiếm 76,7%.

**Bảng 3:** Thống kê 8 tiêu chí có trên 27% CTĐT chưa đạt

Nội dung	Tổng số CTĐT chưa đạt	Tỷ lệ % chưa đạt
TC1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.	421	39.7
TC2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.	428	40.4
TC3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.	836	<b>78.9</b>
TC5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.	813	<b>76.7</b>
TC9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	389	36.7
TC10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.	314	29.6
TC10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.	295	27.8
TC11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.	370	34.9

Theo Bảng 3, ngoài các tiêu chí 3.2 và 5.3 có gần 80% số CTĐT chưa đạt, các tiêu chí 1.2, 2.2 và 9.2 cũng có trên 36% số CTĐT không đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu của bộ tiêu chí đánh giá.

### 3.2. Kết quả chung của từng chương trình đào tạo

Theo Tạ và cs. (2023, tr. 176), 474 mã ngành đã được triển khai đào tạo bởi 3.569 lượt cơ sở GDĐH tại Việt Nam, cho thấy trung bình mỗi ngành học được đào tạo bởi hơn 7 cơ sở GDĐH, trong đó có 15 ngành được triển khai tại hơn 40 cơ sở GDĐH. Trong số đó, 212 mã ngành với 6.052 CTĐT đã được công nhận đạt chuẩn kiểm định trong nước (Bảng 4). Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:

- Trung bình, số tiêu chí chưa đạt từ 8 trở lên xuất hiện ở 16 CTĐT với tổng cộng 132 tiêu chí chưa đạt.

- Trung bình, số tiêu chí chưa đạt từ dưới 8 xuống đến 6,5 xuất hiện ở 325 CTĐT, với tổng cộng 2.874 tiêu chí chưa đạt. Đặc biệt, trong số này có 5 mã ngành (Tài chính -

Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin và Kế toán), được công nhận đạt qua 249 lượt đánh giá, nhưng chiếm đến 1.729/6.052 tiêu chí chưa đạt. Điều này cho thấy, trung bình 5 mã ngành này có đến 7 tiêu chí chưa đạt và tình trạng lặp lại qua 249 lần đánh giá, khẳng định thêm các vấn đề tồn tại cần được nghiên cứu sâu hơn để xác định nguyên nhân tại các ngành này.

**Bảng 4:** Trích 32 CTĐT có trên 07 tiêu chí chưa đạt KĐCLGD trong tổng số 1002 CTĐT được công nhận có số liệu thống kê

TT	Chương trình đào tạo được kiểm định	Tổng số CTĐT được công nhận	Tổng số tiêu chí chưa đạt	Bình quân số tiêu chí chưa đạt
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Quản lý tài nguyên rừng	1	9	9,0
2	Quản lý giáo dục	5	42	8,4
3	Xã hội học	3	25	8,3
4	Bảo hộ Lao động	1	8	8,0
5	Công nghệ Kỹ thuật Nhiệt	1	8	8,0
6	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	1	8	8,0
7	Sư phạm mỹ thuật	39	24	8,0
8	Toán Ứng dụng	1	8	8,0
9	Kỹ thuật Điện	6	47	7,8
10	Tài chính - Ngân hàng	37	281	7,6
11	Dược lý và Dược lâm sàng	2	15	7,5
12	Sư phạm Âm nhạc	4	30	7,5
13	Quản lý kinh tế	5	37	7,4
14	Kiến trúc	8	59	7,4
15	Quản trị Kinh doanh	69	494	7,2
16	Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	7	50	7,1
17	Giáo dục Công dân	3	21	7,0
18	Hoá hữu cơ	1	7	7,0
19	Khoa học y sinh	1	7	7,0
20	Kỹ thuật hình ảnh y học	2	14	7,0
21	Kinh tế	8	56	7,0
22	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1	7	7,0
23	Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn tiếng Anh - ThS	1	7	7,0

TT	Chương trình đào tạo được kiểm định	Tổng số CTĐT được công nhận	Tổng số tiêu chí chưa đạt	Bình quân số tiêu chí chưa đạt
24	Phát triển nông thôn	1	7	7,0
25	Quan hệ Lao động	1	7	7,0
26	Quản trị - Luật	1	7	7,0
27	Quảng cáo	1	7	7,0
28	Thanh nhạc	1	7	7,0
29	Thiết kế đồ họa	3	21	7,0
30	Thông tin - Thư viện	1	7	7,0
31	Truyền thông đa phương tiện	1	7	7,0
32	Việt Nam học	7	49	7,0
<b>Tổng cho 212 mã ngành</b>		<b>1002</b>	<b>6052</b>	<b>~6</b>

### 3.3. Đề xuất các giải pháp

Dựa trên kết quả đánh giá được tổng hợp từ 1.060 nghị quyết công nhận của 7 CEAs, kết hợp với các yêu cầu tối thiểu cần cải tiến chất lượng theo văn bản hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2019, cùng với các gợi ý từ bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT AUN-QA 4.0 năm 2021, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng đối với các CTĐT trên toàn quốc (Bảng 5) như sau:

**Bảng 5:** Khuyến nghị một số giải pháp bảo đảm chất lượng đối với các CTĐT

TT	Nội dung	Giải pháp cải tiến chất lượng	Giải pháp nâng cao chất lượng
1	TC1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Cần được xác định rõ ràng.</li> <li>✓ Phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học.</li> <li>✓ Phù hợp với Mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Bao gồm phần tổng quát (liên quan đến kỹ năng giao tiếp trực tiếp hay qua văn bản, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm...).</li> <li>✓ Bao gồm phần chuyên ngành (liên quan đến kiến thức và kỹ năng của ngành đào tạo).</li> </ul>
2	TC1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Cần được xác định rõ ràng.</li> <li>✓ Bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Được xây dựng căn cứ trên một hệ thống phân loại mục tiêu giáo dục.</li> <li>✓ Tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở GDDH.</li> <li>✓ Được phổ biến đến tất cả các bên liên quan.</li> </ul>

TT	Nội dung	Giải pháp cải tiến chất lượng	Giải pháp nâng cao chất lượng
		thành chương trình đào tạo. ✓ Phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. ✓ Được định kỳ rà soát, điều chỉnh. ✓ Được công bố công khai.	✓ Đo lường được người học khi tốt nghiệp. ✓ Chuyển tải được yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là đối tượng bên ngoài.
3	TC3.1. Chương trình dạy học	✓ Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, đáp ứng yêu cầu các bên liên quan. ✓ Cấu trúc, trình tự logic. ✓ Nội dung cập nhật và tích hợp. ✓ Mỗi học phần đo lường được chuẩn đầu ra.	✓ Các học phần được sắp xếp từ kiến thức cơ bản đến cơ sở và chuyên ngành và có tính tích hợp. ✓ Cho phép người học lựa chọn chuyên ngành chính và/hoặc các chuyên ngành phụ. ✓ Được rà soát định kỳ theo quy trình để đảm bảo tính cập nhật và đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.
4	TC4.1. Triết lý giáo dục hoặc Mục tiêu giáo dục	✓ Được tuyên bố rõ ràng. ✓ Được phổ biến tới các bên liên quan.	✓ Được chuyển tải vào các hoạt động dạy và học.
5	TC4.2. Các hoạt động dạy và học	✓ Được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. ✓ Thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. ✓ Được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra. ✓ Được cải tiến theo các kết quả nghiên cứu khoa học.	✓ Được triển khai theo hướng tạo điều kiện cho người học học tập chủ động. ✓ Tạo điều kiện cho người học tham gia quá trình học một cách có trách nhiệm. ✓ Khuyến khích người học chủ động hình thành tư duy phản biện, kỹ năng xử lý thông tin và sẵn lòng thử nghiệm các ý tưởng và cách làm mới. ✓ Giúp người học thấm nhuần tầm quan trọng của việc đưa ra các sáng kiến, tư duy sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp.
6	TC5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học	✓ Được thiết lập rõ ràng về thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi, khiếu nại và các nội dung liên quan.	✓ Được triển khai nhất quán.

TT	Nội dung	Giải pháp cải tiến chất lượng	Giải pháp nâng cao chất lượng
		✓ Được thông báo công khai tới người học.	
7	TC5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập	✓ Đa dạng. ✓ Đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.	✓ Được thiết kế phù hợp với các mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra. ✓ Được thiết kế bao gồm bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm, các mốc thời gian và các quy định. ✓ Giúp đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT và của mỗi học phần.
8	TC5.4. Kết quả đánh giá	✓ Được phản hồi kịp thời. ✓ Người học căn cứ vào kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập.	✓ Bảo đảm sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.
9	TC6.4. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên	✓ Được thiết lập rõ ràng, bao gồm: đạo đức và năng lực học thuật. ✓ Được sử dụng đánh giá năng lực làm căn cứ bổ nhiệm, điều chuyển. ✓ Được phổ biến công khai.	✓ Các quyền, đặc quyền, quyền lợi, vai trò, các mối liên hệ và trách nhiệm giải trình của giảng viên được xác định và hiểu rõ, trong đó có xem xét đến quyền tự do học thuật và đạo đức nghề nghiệp.
10	TC6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên	✓ Được triển khai cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. ✓ Được triển khai để tạo động lực, khen thưởng và công nhận.	✓ Giảng viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và khả năng. ✓ Thiết lập hệ thống đánh giá để nâng bậc cho giảng viên, trong đó có xem xét hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.
11	TC7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên	✓ Được xác định để đánh giá năng lực, bổ nhiệm, điều chuyển. ✓ Được phổ biến công khai.	✓ Được đánh giá để đảm bảo đáp ứng, phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.
12	TC8.1. Chính sách tuyển sinh TC8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học	✓ Được xác định rõ ràng. ✓ Được đánh giá để cập nhật. ✓ Được công bố công khai.	✓ Thiết lập quy trình tiếp nhận người học.
13	TC8.3. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn	✓ Được thiết lập. ✓ Được triển khai.	✓ Được giám sát một cách có hệ thống.

TT	Nội dung	Giải pháp cải tiến chất lượng	Giải pháp nâng cao chất lượng
	luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.		✓ Thực hiện phản hồi tới người học và khắc phục (nếu có).
14	TC8.4. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Được thiết lập để cải thiện việc học tập.</li> <li>✓ Được triển khai để tăng khả năng có việc làm của người học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Được triển khai nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu của hoạt động nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.</li> <li>✓ Được đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng.</li> </ul>
15	TC9.1. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành và các phòng chức năng TC9.2. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến)	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Đáp ứng diện tích.</li> <li>✓ Được thiết lập các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</li> <li>✓ Được đánh giá và cải tiến.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Được cập nhật, sẵn có và được sử dụng hiệu quả.</li> <li>✓ Dễ dàng tiếp cận.</li> </ul>
16	TC9.3. Thư viện và các nguồn học liệu	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Phù hợp.</li> <li>✓ Được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Được cập nhật thường xuyên bắt kịp với những tiến bộ về công nghệ thông tin, truyền thông.</li> </ul>
17	TC10.1. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan TC11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp TC11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình TC11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp TC11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học TC11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Được xác lập có tính hệ thống.</li> <li>✓ Được đánh giá.</li> <li>✓ Được đối sánh để cải tiến chất lượng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Số liệu về tự kinh doanh, khởi nghiệp và tiếp tục học cao hơn của người học được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.</li> <li>✓ Dữ liệu về mức độ đạt được chuẩn đầu ra được thiết lập và theo dõi.</li> </ul>

#### 4. Kết luận

Dựa chủ yếu trên số liệu tổng hợp từ kết quả đánh giá thực trạng, các văn bản quy phạm, hướng dẫn, cùng với gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục đại học, nhóm tác giả đã đề xuất và khuyến nghị 2 loại giải pháp, chia thành 17 nhóm tại Bảng 5. Mặc dù các giải pháp này có thể chưa đáp ứng đầy đủ kỳ vọng của các nhà quản lý giáo dục đại học, chúng vẫn có khả năng đáp ứng được các nguyên lý cơ bản về đảm bảo và nâng cao chất lượng trong triển khai các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, và phục vụ cộng đồng của các cơ sở giáo dục đại học trong kỷ nguyên số 4.0.

#### 5. Tuyên bố về xung đột lợi ích tiềm ẩn

Xung đột có thể xảy ra khi nghiên cứu tập trung vào các tiêu chuẩn và tiêu chí chưa đạt (điểm dưới 4/7), trong khi các nghiên cứu khác tính đến tháng 10/2023 lại tập trung vào điểm trung bình của các tiêu chí. Tuy nhiên, sau thời điểm này, các hướng nghiên cứu có thể chuyển đổi theo hướng tương tự như nghiên cứu mà nhóm tác giả đã thực hiện, nhưng sẽ được công bố sau.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2016). *Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*. Ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2019). *Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*. Ban hành kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Danh sách các chương trình đào tạo được đánh giá/công nhận (cập nhật đến ngày 31/10/2023)*. Truy cập ngày 21/11/2023 từ <https://moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx?ItemID=8883>
- Dhirathiti, C. (2020). *Guide to AUN-QA Assessment at Programme Level Version 4.0*. Thailand: ASEAN University Network.
- Phạm Thị Bích và cộng sự. (2021). *Bản dịch Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo theo AUN-QA*. NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tạ Văn Thành. (2023). Thực trạng chất lượng nguồn nhân lực trình độ giáo dục đại học. *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia “Lao động, việc làm và an sinh xã hội ở Việt Nam”*, Trường Đại học Ngoại thương, tr. 105-116.
- Tạ Văn Thành và cộng sự. (2023). Gắn kết nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng với định hướng phát triển đào tạo. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Học viện Hành chính Quốc gia*, tr. 168-179.
- Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục - Đại học Đà Nẵng. (2023). *Kết quả Kiểm định Chương trình đào tạo*. Truy cập ngày 21/11/2023 từ <http://cea.udn.vn/Detail.aspx?id=223>

- Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. (2023). *Kết quả Kiểm định Chương trình đào tạo*. Truy cập ngày 21/11/2023 từ <https://cea.vnu.edu.vn/article-Chuong-trinh-dao-tao-15957-1252.html>
- Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. (2023). *Kết quả Kiểm định Chương trình đào tạo*. Truy cập ngày 21/11/2023 từ [http://cea.vnuhcm.edu.vn/ket-qua-kiem-dinh-cap-chuong-trinh-dao-tao\\_p1\\_1-1\\_2-1\\_3-664.html](http://cea.vnuhcm.edu.vn/ket-qua-kiem-dinh-cap-chuong-trinh-dao-tao_p1_1-1_2-1_3-664.html)
- Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục - Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam. (2023). *Kết quả Kiểm định Chương trình đào tạo*. Truy cập ngày 21/11/2023 từ <https://cea-avuc.edu.vn/vi/ket-qua-kiem-dinh-chat-luong-chuong-trinh-dao-tao/>
- Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục Thăng Long. (2023). *Kết quả Kiểm định Chương trình đào tạo*. Truy cập ngày 21/11/2023 từ <https://www.ceathanglong.edu.vn/danh-muc/18>
- Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục - Trường Đại học Vinh. (2023). *Kết quả Kiểm định Chương trình đào tạo*. Truy cập ngày 21/11/2023 từ <https://kdclgd.vinhuni.edu.vn/ket-qua-kiem-dinh/chuong-trinh-dao-tao/seo/ket-qua-kiem-dinh-chuong-trinh-dao-tao-105320>
- Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục Sài Gòn. (2023). *Kết quả Kiểm định Chương trình đào tạo*. Truy cập ngày 21/11/2023 từ <https://cea-saigon.edu.vn/ket-qua-kdclgd-chuong-trinh-dao-tao.html>

## ABSTRACT

### CURRENT STATE OF TRAINING PROGRAM EVALUATION ACCORDING TO VIETNAMESE STANDARDS - SOLUTIONS TO ENSURE TRAINING PROGRAM QUALITY

**Ta Van Thanh, Nguyen Minh Phuong, Tran Thi Van Oanh**  
*Vietnam Women's Academy, Hanoi, Vietnam*

Received on 01/8/2024, accepted for publication on 11/9/2024

The evaluation of training programs is usually conducted in at least two stages: self-assessment and external assessment, based on domestic and international standards. The evaluation results according to these standards, especially Vietnam's set of standards, serve as a foundation for developing improvement solutions to enhance the quality of training programs. The research team selected a method based on the statistical analysis of external evaluation results of training programs according to the standards issued in Circular 04/2016/TT-BGDĐT by the Ministry of Education and Training. From there, they forecast and manage existing issues as a basis for proposing 17 groups of quality assurance solutions for training programs, meeting the minimum requirements of stakeholders.

**Keywords:** Quality; training program; external assessment; education quality assessment.